TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2023/HS-ST
Ngày: 13-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Bỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thời.

2. Ông Mai Linh Sơn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Mỹ Dung; Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2023, tại Hội trường Tổ dân phố 1, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/HSST ngày 24/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HS ngày 28/3/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T**; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 2003 tại Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: tổ dân phố L, thị trấn D, Đ, Lâm Đồng; Tạm trú: Thôn L, L, Đ, Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1977 và con bà Lê Thị T, sinh năm 1979. Hiện cả hai làm nông tại tổ dân phố L, thị trấn D, Đ, Lâm Đồng; Anh, chị: Có 01 người, sinh năm 2002. Bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 19/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Xuân T; Sinh năm: 1970; Hộ khẩu thường trú: Số 67A Lê Lợi, Tổ dân phố 1, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Chị Trần Anh T; Sinh năm: 1993; Hộ khẩu thường trú: C, B, D, An Giang; Tạm trú: Số 12A T, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Thanh B, sinh năm: 1989; Hộ khẩu thường trú: Số 62 T, Phường 11, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Ngô Văn H; Sinh năm: 1979; Hộ khẩu thường trú: Số 4 P, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Anh Trần Xuân Đ; Sinh năm: 1995; Hộ khẩu thường trú: xã H, huyện V, tỉnh T; Nơi ở hiện tại: Số 194 N, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Bảo T; Sinh năm: 1998; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

5. Bà Lê Thị T; Sinh năm: 1979; Hộ khẩu thường trú: tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 15 phút, ngày 15/08/2022, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô BKS 49E1-609.23 đến cửa hàng "T" ở Số 67A, Lê Lợi, TDP 1, thị trấn D, huyện Đ do ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1970 làm chủ để giao dịch rút tiền. Khi đến cửa hàng, Thọ không thấy ai trông coi cửa hàng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dùng tay đẩy ngăn kéo tủ quầy bán hàng rồi lấy 01 (một) cọc tiền được cột bằng sợi dây thun cất giấu vào trong túi áo khoác và nhanh chóng lên xe tẩu thoát. Sau khi lấy trộm cọc tiền (không đếm nên không xác định được bao nhiêu tiền) thì T đem số tiền trên cất giấu ở bụi cây ven đường gần Phòng khám đa khoa khu vực D. Sau đó T quay lại cửa hàng Trường để rút tiền trong tài khoản ngân hàng số tiền 4.000.000đ rồi Thọ lấy thêm trong ví 2.500.000 đồng, tổng cộng số tiền là 6.500.000đ Thọ trả nợ cho bạn là Nguyễn Bảo T. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, Thọ tiếp tục quay lại cửa hàng Trường để bán điện thoại thì bị ông T giữ lại và trình báo đến Cơ quan Công an. Tại Cơ quan công an T khai nhận chỉ trộm cắp 4.700.000đ của ông T và không khai nhận nơi cất giấu tiền. Tối ngày 15/8/2022, sau khi được gia đình bảo lãnh, T đến khu vực cất giấu tiền lấy cọc tiền mang về nhà, sáng ngày 16/8/2022, T lấy 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong cọc tiền lấy trộm của ông Trường trả tiền xe buýt hết 20.000đ. Số tiền còn lại T mang đến giao nộp cho cơ quan công an. Qua kiểm tra xác định cọc tiền mà T giao nộp là 44.280.000đ. Bị hại Nguyễn Xuân T cho rằng bị mất số tiền 118.000.000đ, tuy nhiên quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh bị cáo T trộm cắp của bị hại số tiền 118.000.000đ như lời khai của bị hại Nguyễn Xuân T.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Minh T có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/10/2022, khi T đi ngang qua phòng trọ số 06 của bà Trần Anh T (sát phòng trọ của T) tại số 12A, T, Phường 6, thành phố Đ thì T phát hiện cửa phòng bà T không đóng nên T vào phòng trọ của bà T tìm tài sản trộm cắp. T đi vào phòng, lên gác và lấy 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A51 của bà Trần Anh Thư. Sau đó Thọ đem bán máy tính xách tay cho ông Ngô Văn H ở thành phố Đà Lạt được 1.700.000đ, bán điện thoại cho ông Trần Xuân Đ ở thành phố Đ được 1.000.000đ và tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 109/KL-ĐG ngày 09/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành Phố Đ, kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air trị giá là 2.000.000đ; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A51 trị giá là 1.467.000đ. Tổng tài sản mà T trộm cắp của chị T trị giá là 3.467.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Minh T trộm cắp ở Đ và Đ là 47.767.000đ.

Cáo trạng số 19/CT-VKSĐD ngày 24/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị can Nguyễn Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 30 đến 36 tháng tù.

Bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận: ngày 15/08/2022, bị cáo Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô đến cửa hàng "T" ở Số 67A, L, TDP 1, thị trấn D, huyện Đ để giao dịch rút tiền. Do không thấy ai trông coi cửa hàng nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dùng tay đẩy ngăn kéo tủ quầy bán hàng rồi lấy 01 (một) cọc tiền được cột bằng sợi dây thun cất giấu vào trong túi áo khoác và nhanh chóng lên xe tẩu thoát. Sau khi lấy trộm cọc tiền (không đếm nên không xác định được bao nhiêu tiền) thì T đem số tiền trên cất giấu ở bụi cây ven đường gần Phòng khám đa khoa khu vực D. Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, T tiếp tục quay lại cửa hàng Trường để bán điện thoại thì bị ông T giữ lại và trình báo đến Cơ quan Công an. Tối ngày 15/8/2022, sau khi được gia đình bảo lãnh, T đến khu vực cất giấu tiền lấy cọc tiền mang về nhà, sáng ngày 16/8/2022, T lấy 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ trong cọc tiền lấy trộm của ông T trả tiền xe buýt hết 20.000đ. Số tiền còn lại T mang đến giao nộp cho cơ quan công an. Qua kiểm tra xác định cọc tiền mà T giao nộp là 44.280.000đ. Như vậy theo bị cáo chỉ trộm của ông T số tiền 44.300.000đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra cho tại ngoại, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/10/2022, bị cáo có trộm 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A51 của bà Trần Anh T. Sau đó T đem bán máy tính xách tay cho ông Ngô Văn H ở thành phố Đ được 1.700.000đ, bán điện thoại cho ông Trần Xuân Đ ở thành phố Đ được 1.000.000đ. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Xuân T cho rằng bị mất số tiền 118.000.000đ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường thêm số tiền đã lấy là 73.700.000đ.

Bị hại bà Trần Anh T khai bị mất trộm 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A51. Nay đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đơn Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào ngày 15/8/2022, tại cửa hàng "Trường" ở số 67A, L, Tổ dân phố 1, thị trấn D, huyện Đ, Nguyễn Minh T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 44.300.000đ của ông Nguyễn Xuân T; vào ngày 22/10/2022, Nguyễn Minh T tiếp tục lấy trộm tài sản gồm 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A51 của bà Trần Anh T ở Số 12A, T, Phường 6, thành phố Đ, tài sản trộm cắp trị giá 3.467.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Minh T trộm cắp là 47.767.000đ.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác trị giá 47.767.000đ nêu trên của Nguyễn Minh T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Xét tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp. Bản thân bị cáo đang trong giai đoạn điều tra về tội trộm cắp tài sản mà tiếp tục phạm tội, thể hiện tính liều lĩnh, coi thường pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Bị cáo phạm tội nhiều lần, đang trong giai đoạn điều tra thì tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, nhằm đảm bảo đấu tranh và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu, BS: 49E1 – 60923, 01 chìa khóa xe, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là của bà Lê Thị T và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T.

- 01 ví da nam, màu đen; số tiền 420.000đ, quá trình điều tra xác tài sản và số tiền trên là của T và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T.

- Số tiền 6.500.000đ thu giữ của Nguyễn Bảo T, quá trình điều tra xác định số tiền trên là của T trả nợ cho T và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

- 01 USB hiệu Kingston, màu đỏ, dung lượng 08 GB, bên trong có chứa các đoạn video quay lại diễn biến hành vi trộm cắp của bị can T vào ngày 15/8/2022, 01 USB hiệu Transcend, màu đen, dung lượng 02 GB, bên trong có chứa các đoạn video quay lại việc bị can diễn lại hành vi trộm cắp khi thực nghiệm điều tra. Đây là vật chứng của vụ án đã được đưa vào hồ sơ vụ án nên không đề cập đến.

- 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo khoác dài tay, màu đen; quần sohort jean màu xanh là trang phục mà bị cáo mặc khi trộm cắp. Xét thấy giá trị không lớn, bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 máy tính xách tay hiệu Apple Macbook Air; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung A51 mà cơ quan điều tra thu giữ, quá trình điều tra xác định các tài sản trên là của bà Trần Anh T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T.

- Số tiền 44.300.000đ (trong đó bao gồm số tiền 44.280.000đ bị cáo nộp lại cho Cơ quan điều tra và 20.000đ là số tiền bị cáo bồi thường). Đây là số tiền mà bị cáo lấy trộm của bị hại T, Viện kiểm sát đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại là ông Nguyễn Xuân T.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T nộp lại số tiền 1.000.000đ mà bị cáo bán điện thoại cho ông Trần Xuân Đ để tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với ông Nguyễn Xuân T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chưa thu hồi được 73.700.000đ, tuy nhiên qua quá trình điều tra không đủ căn cứ ông T bị mất số tiền như đã nêu nên không chấp nhận. Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu tính lãi xuất theo

lãi xuất Ngân hàng từ ngày 15/8/2022 đến nay nhưng sau đó ông rút yêu cầu tại phiên tòa.

Ông Ngô Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền 1.700.000đ (là số tiền mà ông H bỏ ra để mua máy tính của bị cáo trộm cắp), nên cần buộc bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra xác định sau khi ông Trần Xuân Đ mua điện thoại hiệu Sam Sung A51 của T thì ông Đ bán lại điện thoại cho ông Nguyễn Ngọc Thanh B với số tiền 2.800.000đ, ông B đã tự nguyện giao nộp lại điện thoại và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 30 (ba mươi) tháng tù.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo khoác dài tay, màu đen; quần sohort jean màu xanh. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/3023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T nộp lại số tiền 1.000.000đ để tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc Nguyễn Minh T bồi thường cho ông Ngô Văn H số tiền 1.700.000đ.

- Không chấp nhận việc ông Nguyễn Xuân T yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh T bồi thường số tiền chưa thu hồi được là 73.700.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại ông Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại bà Trần Anh T, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS; THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bỉnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thời **Mai Linh Sơn** **Nguyễn Văn Bỉnh**